

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 705 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 13 tháng 4 năm 2017.

### QUYẾT ĐỊNH

#### **Ban hành Bộ Tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 45/TTr-VPĐP ngày 23 tháng 3 năm 2017 và Báo cáo số 51/BC-VPĐP ngày 31 tháng 3 năm 2017,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020.

Bộ Tiêu chí này là căn cứ để xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn mới, đồng thời làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, thẩm định và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Điều phối thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành lại Bộ Tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Cà Mau./.

**Nơi nhận:**

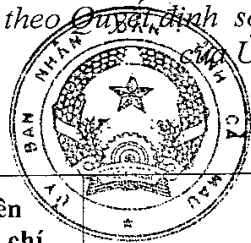
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- PNN-TN, KG-VX, KT, TH;
- Lưu: VT, Ktr06/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Hải**


**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**  
(Kèm theo Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017



Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
<b>I. QUY HOẠCH</b>			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.*	100% (Chiều rộng mặt đường tối thiểu 03m)
		2.2. Đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; đường thùy đảm bảo giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa*	- ≥ 20% đường trục ấp và liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,5m; có bố trí bãi tránh xe phù hợp, cầu trên tuyến đảm bảo ô tô đi lại được. Đối với các tuyến đường có vị trí quan trọng, kết nối và lưu thông hàng hóa từ xã đến ấp, liên ấp thì chiều rộng mặt đường tối thiểu 03m (do UBND cấp huyện xác định hoặc theo quy hoạch). - Phần còn lại: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5m được cứng hóa, đảm bảo giao thông. - Đường thùy: Thuận lợi, thông thoáng phục vụ đi lại của nhân dân.
		2.3. Đường ngõ, xóm, nhánh sạch và không lầy lội vào mùa mưa.*	100% (mặt bằng được san lấp bằng phẳng, thông thoáng và không lầy lội vào mùa mưa)

		<p>2.4. Đảm bảo an toàn giao thông và thực hiện tốt công tác duy tu, bảo trì các công trình giao thông.**</p>	<p>- Các tuyến đường trên địa bàn xã được xây dựng và quản lý đúng quy hoạch; đảm bảo thông thoáng và không bị che khuất tầm nhìn.</p> <p>- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo trì các công trình giao thông, kê chống sạt lở; mặt đường đảm bảo thông thoáng, sạch đẹp.</p>
3	Thủy lợi	<p>3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước (cấp và thoát nước) chủ động đạt từ 80% trở lên.*</p>	<p>- <b>Đối với vùng sản xuất theo hệ sinh thái mặn</b> (chủ yếu phục vụ nuôi trồng thủy sản):</p> <p>+ Hệ thống kênh mương, cống bọng các cấp đảm bảo độ sâu, độ thông thoáng; đảm bảo dòng chảy, lưu lượng nước đáp ứng nhu cầu sản xuất.</p> <p>+ Hệ thống đê, bờ bao các cấp đảm bảo khả năng chống úng, ngập, triều cường, nước dâng để bảo vệ sản xuất.</p> <p>- <b>Đối với vùng sản xuất theo hệ sinh thái ngọt</b> (vùng ngọt hóa):</p> <p>+ Hệ thống cấp, thoát nước và chống úng (bao gồm: kênh mương, cống bọng, trạm bơm điện) đảm bảo chủ động sản xuất theo mùa vụ.</p> <p>+ Hệ thống đê, bờ bao đảm bảo khả năng chống úng, ngập, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất nông nghiệp.</p>
		<p>3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.</p>	<p>Đạt</p>



4	Điện	Hệ thống điện đạt chuẩn. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	Đạt  ≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	≥ 70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.*	- Diện tích đất quy hoạch khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (không tính diện tích sân bóng đá) từ 2.000m <sup>2</sup> trở lên. - Đối với xã đã được xây dựng Trung tâm văn hóa, phải có các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên để phát huy hiệu quả. - Đối với xã chưa được xây dựng Trung tâm văn hóa, ít nhất có sân khấu ngoài trời gắn với hệ thống sân bãi và có hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên.
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.*	Có (phải có nội dung hoạt động phòng chống đuối nước)
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.*	- Chợ đạt chuẩn chỉ áp dụng đối với các xã có chợ nằm trong mạng lưới quy hoạch chợ nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. - Ở những xã không quy hoạch xây dựng chợ thì phải có nơi mua, bán đáp ứng yêu cầu của nhân dân (nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, xét theo hướng dẫn của Sở Công Thương).
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.*	Xã có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính trong các loại hình như: Bưu cục, Bưu điện văn hóa xã, thùng thư công cộng.

		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.*	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã có hoạt động cung cấp dịch vụ điện thoại và dịch vụ internet công cộng.</li> <li>- Đối với xã không có cả 02 dịch vụ nêu trên, phải có ít nhất 30% số hộ gia đình trong xã có thuê bao điện thoại và thuê bao internet.</li> </ul>	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.*	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã có Trạm truyền thanh đang hoạt động.</li> <li>- 100% số ấp trong xã, có ít nhất 01 cụm loa đang hoạt động thường xuyên.</li> </ul>	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.*	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã có từ 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thường xuyên sử dụng phần mềm giải quyết công việc liên thông và 2/3 số lượng thủ tục hành chính đạt mức độ 3 về dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>- Xã có phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng kết nối liên thông 03 cấp (xã, huyện, tỉnh).</li> <li>- Xã có hộp thư điện tử công vụ của Ủy ban nhân dân xã.</li> </ul>	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥ 70%	
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người).	Năm 2017	≥ 37
			Năm 2018	≥ 41
			Năm 2019	≥ 45,5
			Năm 2020	≥ 50

11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 4\%$
		Tỷ lệ hộ dân nghèo hàng năm của xã giảm so với năm trước liền kề	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	$\geq 80\%$
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 25\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 85\%$
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 20,5\%$
16	Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	$\geq 70\%$
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	$\geq 95\%$ ( $\geq 65\%$ nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt
		17.4. Có quy hoạch nghĩa trang nhân dân, đồng thời mai táng đúng quy định*.	Đạt

		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất-kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	≥ 90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 70%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” theo quy định và Chính quyền xã đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên do Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, công nhận hàng năm.	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị-xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt





Nội dung Trung ương giao tỉnh quy định \*

Nội dung thay thế nội dung 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tại Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg \*\*

- Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về việc mai táng trên địa bàn tỉnh (mục 17.4), trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Bộ Tiêu chí này.